

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Thời điểm chốt số liệu giải ngân: Đến hết ngày 30/11/2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBĐTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CHTT 2022; CHTT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
1	2	3	4	5	6	7	8=7/6	9	10=9/6	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ:				186,338	41,253.5	22.14	41,253.5	22.14						122,443.98	65.71			
A	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022																		
I	Ngân sách địa phương																		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020																		
1	Dự án...																		
...																			
(2)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2021																		
1	Dự án...																		
...																			
II	Ngân sách Trung ương																		
*	Tương tự như mục I																		
B	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2022				186,338.0	41,253.5	22.14	41,253.5	22.14	0	0	0	0	0	122,443.980	65.71			
A	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP theo tiêu chí				47,121.00	31,117.11	66.04	31,117.11	66.04	-	-	-	-	-	38,058.48	80.77			
A1	Tỉnh bố trí				5,900.00	3,007.11	50.97	3,007.11	50.97	-	-	-	-	-	5,900.00	100.00			
I	Vốn ngân sách địa phương				3,200.00	2,507.11	78.35	2,507.11	78.35	-	-	-	-	-	3,200.00	100.00			
*	Các dự án khởi công mới năm 2022 (dự án nhóm C)				3,200.00	2,507.11	78.35	2,507.11	78.35	-	-	-	-	-	3,200.00	100.00			
1.1.	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	Tỉnh bố trí	CKM	3,000.00	2507.11	83.57	2507.11	83.57						3,000.00	100.00			
1.2.	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	Tỉnh bố trí	CBĐT	200.00		0.00		-						200.00	100.00			
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				2,500.00	500.00	20.00	500.00	20.00	-	-	-	-	-	2,500.00	100.00			
	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT cho xã xây dựng NTM				2,500	500	20.00	500	20.00						2,500	100.00			
2.1	Xã Quý Quân	UBND Xã Quý Quân	Tỉnh bố trí		220	220	100.00	220	100.00						220	100.00			
2.2	Xã Ngọc Đào	UBND Xã Ngọc Đào	Tỉnh bố trí		300	200	66.67	200	66.67						300	100.00			
2.3	Xã Trường Hà	UBND xã Trường Hà	Tỉnh bố trí		180	80	44.44	80	44.44						180	100.00			
2.4	Xã Tổng Cốt	UBND Xã Tổng Cốt	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.5	Xã Đa Thông	UBND Xã Đa Thông	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.6	Xã Cản Nông	UBND Xã Cản Nông	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.7	TT Xuân Hòa	UBND TT Xuân Hòa	Tỉnh bố trí		200		-		-						200	100.00			
2.8	TT Thông Nông	UBND TT Thông Nông	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.9	Xã Thượng Thôn	UBND Xã Thượng Thôn	Tỉnh bố trí		80		-		-						80	100.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CHTT 2022; CHTT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
2.10	Xã Lũng Năm	UBND Xã Lũng Năm	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.11	Xã Mã Ba	UBND Xã Mã Ba	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.12	Xã Nội Thôn	UBND Xã Nội Thôn	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.13	Xã Cản Yên	UBND Xã Cản Yên	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.14	Xã Ngọc Động	UBND Xã Ngọc Động	Tỉnh bố trí		120		-		-						120	100.00			
2.15	Xã Sóc Hà	UBND Xã Sóc Hà	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.16	Xã Lương Thông	Xã Lương Thông	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.17.	Xã Hồng Sỹ	UBND Xã Hồng Sỹ	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.18	xã Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.19	Xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
2.20	Xã Lương Can	UBND Xã Lương Can	Tỉnh bố trí		100		-		-						100	100.00			
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (KCM)				200	-	-	-	-						200	100.00			
3.1		Trường tiểu học Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Tỉnh bố trí	CBDT	200		-		-						200	100.00			
A2	Huyện bố trí				41,221.00	28,110.00	68.19	28,110.00	68.19	-	-	-	-	-	32,158.48	78.01			
a)	Cán đối ngân sách huyện				38,065.20	25,430.11	66.81	25,430.11	66.81	-	-	-	-	-	29,358.48	77.13			
*	Dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2021				4,354.469	4,304.11	98.84	4,304.11	98.84	-	-	-	-	-	4,354.47	100.00			
1	Đường GTNT Pác Táng (xã Hồng Sỹ) - Nậm Thuôm (xã Sỹ Hai, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	1,079.3300	1,079.33	100.00	1,079.33	100.00					1,079.33	100.00			trả nợ 30a giai đoạn 2016- 2020
2	Đường GTNT Lũng Ngàn (xã Hồng Sỹ)- Táy Dưới (xã Thượng Thôn), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	468.7000	466.73	99.58	466.73	99.58					468.70	100.00			trả nợ 30a giai đoạn 2016- 2020
3	Đường GTNT Lũng Vén - Nà Chang, xã Văn Đình, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	817.0260	817.03	100.00	817.03	100.00					817.03	100.00			trả nợ 30a giai đoạn 2016- 2020
4	Đường GTNT xóm Lũng Táy, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	94.2170	94.22	100.00	94.22	100.00					94.22	100.00			trả nợ 30a giai đoạn 2016- 2020
5	Trụ sở UBND xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	1,850,67648	1802.29	97.39	1802.29	97.39					1,850.68	100.00			
6	Tồn tạo khu di tích lịch sử Phia Tộc thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	44.52	44.52	100.00	44.52	100.00					44.52	100.00			
*	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022				21,532.39	16,414.90	76.23	16,414.90	76.23	-	-	-	-	-	21,532.39	100.00			
1	Ban QLDA				19,090.22	16,414.90	85.99	16,414.90	85.99	-	-	-	-	-	19,090.22	100.00			
1.1	Trường THSC Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (HM: Nhà Hội đồng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ)		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	52.08	52.08	100.00	52.08	100.00					52.08	100.00			
1.2	Trường mầm non Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (HM: Nhà Hội đồng và các hạng mục phụ trợ)		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	46.93	46.93	100.01	46.93	100.01					46.93	100.00			
1.3	Trường mầm non Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (HM: Nhà học tập và các hạng mục phụ trợ)		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	3,637.56	3637.56	100.00	3637.56	100.00					3,637.56	100.00			
1.4	Sân vận động xã Quý quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	3,166.09	3156.52	99.70	3156.52	99.70					3,166.09	100.00			
1.5	Nhà văn hoá xã Quý quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	625.14	625.14	100.00	625.14	100.00					625.14	100.00			
1.6	Thoát nước đô thị Thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	2,705.94	2705.94	100.00	2,705.94	100.00					2,705.94	100.00			
1.7	Cải tạo, nâng cấp chợ thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	8,188.93	5886.12	71.88	5,886.1	71.88					8,188.93	100.00			
1.8	Trường bắn, Thào trường huấn luyện ban chỉ huy quân sự huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	168.87	168.87	100.00	168.87	100.00					168.87	100.00			
1.9	Nâng cấp đường GTNT trụ sở xã UBND - Mãn Thượng Hà, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	119.91	119.91	100.00	119.91	100.00					119.91	100.00			
1.10	Dự án ĐCĐC tá Cản - Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, san gạt mặt bằng)		BQLDA	Huyện bố trí	HTBG	378.78	15.83	4.18	15.83	4.18					378.78	100.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
2	Phòng KT&HT				2,442.17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,442.17	100.00			
2.1	Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2019-2030, tỷ lệ 1/2000	KT - HT	Huyện bố trí	CTHT	2,442.172		-		-						2,442.17	100.00			
*	Dự án khởi công mới năm 2022				12,178.34	4,711.10	151.61	4,711.10	151.61	-	-	-	-	-	3,471.62	28.51			
1	Phòng KT&HT				3,256.75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,231.62	99.23			
1.1,	Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030	KT - HT	Huyện bố trí	KCM	2,443.13		-		-						2,418.00	98.97			
1.2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư nội thị trấn Xuân Hòa, thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao bằng, giai đoạn 2009-2025, tỷ lệ 1/2000	KT - HT	Huyện bố trí	KCM	813.62		-		-						813.62	100.00			
2	Các xã				220.00	220.00	100.00	220.00	100.00	-	-	-	-	-	220.00	100.00			
	Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của thủ tướng Chính phủ		Huyện bố trí		220.00	220.00	100.00	220.00	100.00						220.00	100.00			
2.1	TT Xuân Hòa				100.00	100	100.00	100	100.00						220.00	220.00			
2.2	Xã Ngọc Đào				100.00	100	100.00	100	100.00						100.00	100.00			
2.3	Xã Sóc Hà				20.00	20	100.00	20	100.00						100.00	500.00			
3	Ban QLDA				8,701.59	4,491.10	51.61	4,491.10	51.61						20.00	0.23			
3.1	Trường mầm non thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (HM: Nhà 6 lớp học, nhà công vụ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ)	BQLDA	Huyện bố trí	CKM	8,701.59	4491.1	51.61	4491.1	51.61						8701.59	100.00			
c)	Đầu tư cơ sở hạ tầng An toàn khu				3,155.80	2,679.89	84.92	2,679.89	84.92						2,800.00	88.73			
*	Các dự án khởi công mới năm 2022 (dự án nhóm C)				3,155.80	2,679.89	84.92	2,679.89	84.92						2,800.00	88.73			
1	Xã Lũng Nặm				3,155.80	2,679.89	84.92	2,679.89	84.92						2,800.00	88.73			
1.1.	Đường GTNT từ nhóm Pô Tân sang xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		Huyện bố trí	CKM	3,155.80	2679.89	84.92	2679.89	84.92						2,800.00	88.73			
2	Xã Ngọc Đào				-	-		-							-				
2.1.	Đường GTNT Nóc Mò - Nà Giáo xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		Huyện bố trí	không thực hiện											-				giảm ko thực hiện đã có NQ HĐND ra
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				5,000.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,250.00	45.00			
	Dự án khởi công mới năm 2022 (DA nhóm B)				5,000.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,250.00	45.00			
1	Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	NSTW	CBDT	5,000.00		-		-						2,250.00	45.00			
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (03 CT)				134,217.00	10,136.410	7.55	10,136.40	7.55	-	-	-	-	-	82,135.50	61.20			
C.1.	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ				55,508	5,209.16	9.38	5,209.15	9.38						42,781.00	77.07			
1	Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, nhà ở, đất sản xuất				6,958	1,213	17.43	1,212.600	17.43						3,427	49.25			
a)	Nước sinh hoạt tập trung				6,000	1,213	20.21	1,212.600	20.21						809	13.48			
1	Dự án khởi công mới năm 2022				6,000	1,212.600	20.21	1,212.600	20.21						330	5.50			
1.1.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung Keng Tao Lũng Mối, xã Quỳ Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,100	87.930	7.994	87.93	7.99						330	30.00			
1.2.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung, Lũng Ri (Lũng Nhùng) xã Quỳ Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,100	377.050	34.277	377.05	34.28						330	30.00			
1.3.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung xóm Xam Kha xã Cấn Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,200	127.65	10.64	127.65	10.64						360	30.00			
1.4.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung xóm Tự Do, xã Cấn Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,300	136.99	10.54	136.99	10.54						390	30.00			
1.5.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung Lũng Ri (Ngọc Sỹ) xóm Ngọc Sỹ xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,300	482.98	37.15	482.98	37.15						390	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
b)	Hỗ trợ đất ở (Hộ)		CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	440		-		-						220	50.00			
I	Năm 2022				440		-		-						220	50.00			
	Lương Can														-				
	Cần Nông														-				
	Quý Quần														-				
	Đa Thông														-				
c)	Hỗ trợ đất sản xuất (hộ)		CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	518		-		-						259,0	50.00			
I	Năm 2022				518		-		-						259	50.00			
	Lương Can														-				
	Trường Hà														-				
	Cần Nông														-				
	Quý Quần														-				
	Đa Thông														-				
	Cải Viên														-				
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				5,700	282	4.95	282	4.95	-	-	-	-	-	1,710	30.00			
*	BỐ TRÍ, SẮP XẾP HỘ DTTS CÒN DU CANH, DU CƯ				5,700	282	4.95	282.17	4.95					-	1,710	30			
1	Dự án Định canh, định cư Tà Cẩn, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	5,700	282.18	4.95	282.17	4.95						1,710	30.00			
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				40,135	3,714	9.25	3,714	9.25						20,068	50.00			
*	Dự án khởi công mới năm 2022														-				
a	Cứng hóa đường từ huyện đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa				10,200	2,171	61	2,171	61	-	-	-	-	-	3,380	33.14			
1	Đường GTNT liên xã Nà Tôm xã Lương Thông - Nà Ngảm, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	3,200	1663.06	51.971	1663.06	51.97						960	30.00			
2	Đường GTNT liên xã, Pò Rài xã Nội Thôn - Tà Cẩn xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	5,400	508.03	9.41	508.03	9.41						1,620	30.00			
	Chuẩn bị đầu tư năm 2023														-				
3	Đường GTNT Thị trấn Xuân Hòa - xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBDT	800		-		-						400	50.00			
4	Đường giao thông liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBDT	800		-		-						400	50.00			
b	Xây mới chợ				300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	50			
1	Xây mới Chợ Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBDT	300		-		-						150	50.00			
c	Xây mới trạm y tế				1,320	184	14	184	14	-	-	-	-	-	660	50			
1	Xây mới trạm y tế Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBDT	1,320	184.1	13.95	184.1	13.95						660	50.00			
d	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế				1,600	85.39	11	85	11	-	-	-	-	-	480	60			
1	Trạm y tế xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBDT	800	44.36	5.55	44.36	5.55						240	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tính bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
2	Trạm Y tế thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	800	41.03	5,13	41.03	5,13						240	30.00			
e	CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN				26,715	1,274	4,77	1,274	4,77	-	-	-		-	9,847	36.86			
1	Xã Cản Nông				1,775	-	-	-	-	-	-	-		-	250	14.08			
a	Dự án khởi công mới năm 2022				1,575	-	-	-	-	-	-	-		-	150	9.52			
1.1.	Đường GTNT Xóm Bó Thầu, xóm Tà Cáp đến xóm Nà Ca, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,075		-		-				đã trình tính xin điều chỉnh			-			
1.2.	Mương thủy lợi Tà Cáp (Nà Rào), xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cản Nông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	500		-		-						150	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200		-		-						100	50.00			
1.3.	Nâng cấp đường GTNT UBND xã - Ngườm Quốc, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
1.4.	Mương thủy lợi Nà Ca, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cản Nông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
2	Xã Cản Yên				1,866	235	23	235	23	-	-	-	-	-	600	32.14			
a	Dự án khởi công mới năm 2022				1,666	235	23	235	23	-	-	-	-	-	500	30.00			
2.1.	Đường GTNT Xam Kha - Cốc lại, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,033	235.36	22,78	235.36	22,78						310	30.00			
2.2.	Mương Ca Rinh, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cản Yên	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	633		-		-						190	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	50.00			
2.3	Đường Nội Đồng Bản Gái - Bó Rằng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
2.4.	Mương Lũng Búng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cản Yên	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
3	Xã Đa Thông				720	-	-	-	-	-	-	-	-	-	360	50.00			
a)	Công trình khởi công mới năm 2022				520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260	50.00			
3.1.	Đường GTNT Phia Viêng - Lũng Khinh, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	120		-		-						60	50.00			
3.2	Công trình nước Khuổi Mò, Nà Thôn, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	400		-		-						200	50.00			ĐT 2022
b)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	50.00			
3.3.	Đường nội đồng Đà Sa - Nà Khau, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
3.4.	Đường nội đồng Phai Piếu - Bản chang, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
4	Xã Hồng Sỹ				1,818	6	6	6	6	-	-	-	-	-	585	32.20			
a)	Công trình khởi công mới năm 2022				1,718	6	6	6	6	-	-	-	-	-	535	31.16			
4.1.	Đường GTNT từ Lũng Cắm đến Kinh Cù, xóm Lũng Ngán, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	809		-		-						243	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tính bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
4.2.	Mở mới đường GTNT từ Lũng Hầu đến Lũng Túng, xóm Lũng Ngần, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	100	6.01	6.01	6.01							50	50.00			
4.3.	Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Hồng Sỹ	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	809	-	-	-	-						243	30.00			ĐT 2022
b)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	50.00			
4.4.	Nâng cấp đường GTNT Lũng Bông - Khau Sớ, xóm Lũng Bông, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			
5	Xã Mã Ba				1.818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	585	32.20			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.618	-	-	-	-	-	-	-	-	-	485	30.00			
5.1.	Nâng cấp đường GTNT Trụ sở UBND xã - xóm Răng Khoen, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	809	-	-	-	-						243	30.00			
5.2.	Bể nước công cộng xóm Răng Khoen, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Mã Ba	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	809	-	-	-	-						243	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	50.00			
5.3.	Đường GTNT Mã Rạng - Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			
5.4.	Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Mã Ba	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			ĐT 2023
6	Xã Ngọc Động				1.629	194	21	194	21	-	-	-	-	-	529	32.46			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.429	194	21	194	21	-	-	-	-	-	429	30.00			
6.1	Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Moọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	929	194.46	20.93	194.46	20.93						279	30.00			
6.2.	Công trình nước sinh hoạt xóm Ngọc Chung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	500	-	-	-	-						150	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	50.00			
6.3.	Đường GTNT UBND xã - Hòa Trung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
7	Xã Thượng Thôn				1.831	165	16	165	16	-	-	-	-	-	709	38.74			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.431	165	16	165	16	-	-	-	-	-	509	35.59			
7.1.	Bê tông tuyến Tây Dươi - Lũng Vắn, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,031	164.6	15.97	164.6	15.97						309	30.00			
7.2.	Bê tông Thượng Sơn, Đồng Neo, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thượng Thôn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	400	-	-	-	-						200	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				400	-	-	-	-						200	50.00			
7.3.	Bê tông tuyến Cá Thỏ - Nậm Nà, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
7.4.	Bê tông đường GTNT Cá Giang -Lũng Xám, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thượng Thôn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			ĐT 2023
8	Xã Nội Thôn				1.821	155	10	155	10	-	-	-	-	-	586	32.20			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.621	155	9.56	154.91	9.56						486	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tính bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
8.1.	Đường GTNT Lũng Mẩn - Khuổi Phia, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	810	154.91	19.12	154.91	19.12						324	40.00			
8.2.	Bê tông mặt đường Làng Lỳ - Bân Khèng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Nội Thôn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	811		-		-						406	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200		-		-						100	50.00			
8.3.	Nước sinh hoạt xóm Lũng Pô, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
8.5.	Bể nước công cộng xóm Pác Hoan, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Nội Thôn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
9	Xã Quý Quân				1,195		-		-						359	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				895		-		-						448	50.00			
9.1.	Điện sinh hoạt xóm Lũng Mới, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	125		-		-						63	50.00			
9.2.	Công trình nước SHTT xóm Bán Láp, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quân	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	770		-		-						231	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300		-		-						150	50.00			
9.3.	Đường GTNT Tềnh Cà Lừa Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
9.4.	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Phương Lũng Mới, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
9.5.	Đường GTNT Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
10	Xã Thanh Long				1,741	0.1	0.01	0.10	0.01						871	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1,541	0.1	0.01	0.10	0.01						771	50.00			
10.1.	Mương thủy lợi xóm Tấp Nả, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	771		-		-						386	50.00			
10.2.	Bể nước sinh hoạt xóm Bình Minh, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	770	0.1	0.01	0.10	0.01						385	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200		-		-						100	50.00			
10.3.	Xây mới mương Tẩn Lý, xóm Găng Thượng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
10.4.	Mương thoát lũ Bán Dấu, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
11	Xã Tổng Cọt				935		-		-						468	50.00			
a	công trình khởi công mới năm 2022				635		-		-						318	50.00			
11.1.	Đường GTNT Cọt Nưa - Lũng Mẩn, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	135		-		-						68	50.00			
11.2.	Mương Thủy Lợi dẫn nước vào ruộng Nặm rằng xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND tổng Cọt	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	500		-		-						250	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300		-		-						150	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
11.3.	Mương Thủy Lợi Răng Hân xóm Kéo Sỹ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
11.4.	Mương Thủy Lợi xóm Cột Phở 01 tuyến Răng Pù - Lũng Khuyen xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND tổng Cột	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			
12	Xã Lương Thông				1.667	155	9.28	154.62	9.28						834	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022		CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS		1.367	155	11.31	154.62	11.31						684	50.00			
12.1.	Đường giao thông Lũng Rịch - Rặc Rẫy, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,067	154.62	14.49	154.62	14.49						320	30.00			
12.2.	Công Trình nước Tập Trung Tà Bốc, xóm Kim Cúc, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	300	-	-	-	-						150	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300	-	-	-	-						150	50.00			
12.3.	Bê tông đường GTNT xóm Trà Dũ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	150	-	-	-	-						75	50.00			
12.4.	Làm mới nước SHTT Nà Tôm, Quang Chung 2, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	150	-	-	-	-						75	50.00			
13	Xã Cai Viên		CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS		950	-	-	-	-						285	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				650	-	-	-	-						325	50.00			
13.1.	Đường GTNT từ nhà văn hóa Lũng Đa - nhóm Lũng Rầu B, xóm Nhi Đú, xã Cai Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	150	-	-	-	-						75	50.00			
13.2.	Xây bể nước SHTT Nhóm hộ Đông Có (xóm Đông Có), xã Cai Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cai Viên	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	500	-	-	-	-						250	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300	-	-	-	-						150	50.00			
13.3.	Đường GTNT Lũng Đa - Cô Mười, xã Cai Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
13.4.	Xây bể nước SHTT nhóm hộ Tềng Pô thuộc xóm Chông Mạ, xã Cai Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cai Viên	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			ĐT 2023
14	Xã Yên Sơn				1,727	160	9.28	160.28	9.28						518	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1,427	160	11.23	160.28	11.23						714	50.00			
14.1.	Mương thủy lợi xóm Cốc Chà xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	1,027	160.28	15.61	160.28	15.61						514	50.00			
14.2.	Bể nước sinh hoạt xóm vãi Thái xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	400	-	-	-	-						200	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300	-	-	-	-						150	50.00			
14.3.	Đường GTNT Nặm Cốp- Cốc Tầm xóm Bình Minh, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
14.4.	Công trình nước SHTTcụm dân cư xóm Ngâm Vạng, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100	-	-	-	-						50	50.00			ĐT 2023

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBĐT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
	Xã Khu vực III, ATK														-				
15	Xã Lũng Nặm				1.326	1	0	1	0	-	-	-	-	-	663	200			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.026	1	0	1	0	-	-	-	-	-	513	150			
15.1	Cầu vượt lù xóm Lũng Luông xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	300	1.43	0.48	1.43	0.48							150	50.00		
15.2	Công trình nước SHTTđiểm nhóm dân cư Cà Má, xóm Nặm Nhũng, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	100		-		-						50	50.00			
15.3	Công trình nước SHTT xóm Nặm Sắn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	626		-		-						313	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300		-		-						150	50.00			
15.4	Mở mới đường GTNT Lũng In- Lũng Chăn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
15.5	CT nước SHTT điểm nhóm dân cư Nặm Nhũng Bán, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
16	Xã Trường Hà				1.510	4.890	0.32	4.89	0.32						453	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				1.210	4.890	0.40	4.89	0.40						605	50.00			
16.1	Điện sinh hoạt xóm Hồng Việt - Mã Lip - Lũng Lòong, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	125		-		-						63	50.00			
16.2	Bể nước sinh hoạt TT xóm Pò Xà, Mã Lip, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	400	4.89	1.22	4.89	1.22						200	50.00			
16.3	Bể nước TT Nặm Lin, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	300		-		-						150	50.00			ĐT 2022
16.4	Bể nước tập trung Thỏm Tấu xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	385		-		-						193	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				300		-		-						150	50.00			
16.5	Bể nước tập Lũng Lòong, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
16.6	Bể nước tập trung Mã Lip, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
16.7	Bể nước tập trung Lũng Pia, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
17	Xã Sóc Hà				641	99.5	15.52	99.5	15.52						321	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				641	99.5	15.52	99.5	15.52						321	50.00			
17.1.	Nâng cấp đập, mương Cầu Máng xóm Nà Chảo xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	200	90.91	45.46	90.91	45.46						100	50.00			
17.2.	Đường GTNT xóm Lũng Cùm- Lũng Sầu, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBDTIS	KCM	441	8.59	1.95	8.59	1.95						221	50.00			
18	Xã Ngọc Đào				213		-		-						107	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				113		-		-						57	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBĐTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CHTT 2022; CHTT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
18.1.	Đường GTNT Xóm Nà Giáo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	113		-		-						57	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				100		-		-						50	50.00			
18.2	Xây dựng bê chừa nước Noóc Mỏ - Nà Giáo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
19	Xã Lương Can				465		-		-						233	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				265		-		-						133	50.00			
19.1	Đường GTNT Pác Thìn, xóm Pác Thìn, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	65		-		-						33	50.00			
19.2	Công trình nước SHTT Khuổi Xóm- Đồng Mây, xã Lương Cán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	200		-		-						100	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200		-		-						100	50.00			
19.3.	Đường Làng Can - Roong Thốc, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
19.4.	Công trình nước SHTT Nà Tiêu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
20	Thị trấn Xuân Hòa				854	98	11.43	98	11.43						427	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				654	98	14.93	98	14.93						327	50.00			
20.1	Đường GTNT xóm Khuổi Pàng, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	454	97.64	21.51	97.64	21.51						227	50.00			
20.2	Đường GTNT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Xuân Hòa	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	200		-		-						100	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				200		-		-						100	50.00			
20.3.	Đường giao thông nối đồng xóm Nà Vạc, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Xuân Hòa	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
20.4.	Công trình nước SHTT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Xuân Hòa	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			ĐT 2023
21	Thị trấn Thông Nông				213		-		-						107	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022				113		-		-						57	50.00			
21.1	Xây mới công trình thủy lợi nhỏ (Khu ruộng Ma Lô) tổ 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Thông Nông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	113		-		-						57	50.00			
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023				100		-		-						50	50.00			
21.2	Cấp nước sinh hoạt Tổ 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Thông Nông	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	CBĐT	100		-		-						50	50.00			
IV	ĐU/ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				1,780		-		-						890	50.00			
	Đầu tư trường PT Dân tộc bán trú				1,780		-		-						890	50.00			
1	Công trình khởi công mới năm 2022				180		-		-						90	50.00			
	Trường PT Dân tộc bán trú THCS Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG phát triển KT vùng ĐBĐTIS	KCM	180		-		-						90	50.00			
2	Công trình khởi công mới năm 2023 - 2025				1,600		-		-						800	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTTS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
2.1.	Trường PT DTBT THCS Nậm Nhùn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		CBĐT	150		-		-						75	50.00			
2.2.	Trường PT DTBT THCS Cài Viên, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		CBĐT	150		-		-						75	50.00			
2.3.	Trường PTDTBT TH&THCS Ngọc Động, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2024)	BQLDA		CBĐT	450		-		-						225	50.00			
2.4.	Trường PTDTBT THCS Thượng Thôn, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2023)	BQLDA		CBĐT	450		-		-						225	50.00			
2.5.	Trường PIDT BT TH&THCS Bình Lãng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2025)	BQLDA		CBĐT	400		-		-						200	50.00			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				900		-		-						450	50.00			
*	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.						-		-						-				
I	Công trình khởi công mới năm 2022				300		-		-						150	50.00			
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại Nậm Ngừa, xã Ngọc Động, (giai đoạn 1)	UBND Ngọc Động		CBĐT	200		-		-						100	50.00			
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	UBND Trường Hà		CBĐT	100		-		-						50	50.00			
**	Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xóm				600		-		-						300	50.00			
	Năm 2022				600		-		-						300	50.00			
	Xóm Lũng lóng, Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà		CBĐT	300		-		-						150	50.00			
	Xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND TT Xuân Hòa		CBĐT	300		-		-						150	50.00			
VI	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				35		-		-						18	50.00			
	Tiểu DA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				35		-		-						18	50.00			
	Dự án khởi công mới năm 2022				35		-		-						18	50.00			
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại Nậm Ngừa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	Phòng VHIT		CBĐT	30		-		-						15	50.00			
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	Phòng VHIT		CBĐT	5		-		-						3	50.00			
C.2.	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG				56,625	4,927.250	8.70	4,927.250	8.70						28,313	50.00			
I	Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo				56,625	4,927	8.70	4,927	8.70						28,313	50.00			
a	Dự án khởi công mới năm 2022		49,025		52,625	4,927	9.36	4,927	9.36						26,313	50.00			
*	Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc thù	49,025			46,625	4,927.250	10.57	4,927	175	-	-	-	-	-	23,313	50.00			
a.1	Công trình giao thông liên xã				46,625	4,927.250	10.57	4,927	175	-	-	-	-	-	16,188	34.72			
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dưa, Xã Cấn Nông - Xóm Lũng Tỳ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CBĐT	giám nghèo BV	325	14.3	4.40	14.3	4.40						98	30.00			
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Phia Khao, Yên Sơn - xóm Nậm Ngừa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CBĐT	giám nghèo BV	2,000		-		-						600	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTDBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
3	Đường giao thông liên xã: Lũng Nậm - Cải Viên (Nhánh vào trụ sở Cải Viên), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	175		-		-						88	50.00			
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Ngâm, Đa Thông - Xóm Ngọc Sỹ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	3,000		-		-						900	30.00			
5	Đường giao thông liên xã: Ngọc Đào - Xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (đoạn Châm chè - Cốc Dứa)	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	4,500	2225.57	49.46	2225.57	49.46						1,350	30.00			
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Kinh Trên, Xã Hồng Sỹ - Xóm Pài Bả, Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	3,000	297.03	9.90	297.03	9.90						900	30.00			
7	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	250		-		-						125	50.00			
8	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Yên Luât, TT Xuân Hòa - Xóm Đào Bắc, Xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	175		-		-						88	50.00			
9	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Đầu Hồng Sỹ - Xóm Nóc Mỏ, Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	1,500	10.58	0.71	10.58	0.71						450	30.00			
10	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Kinh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	225		-		-						113	50.00			
11	Đường giao thông liên xã: Đoạn Co Phầy - Tả Piầu, Núi Thôn - Ngườm Vải, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	300		-		-						150	50.00			
12	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Nà Giào Ngọc Đào - Làng Linh, Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,500		-		-						1,250	50.00			
13	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Kinh Dưới, xã Hồng Sỹ - Xóm Lũng Niêng, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng.	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	3,000	258.74	8.62	258.74	8.62						900	30.00			
14	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Bàn Bó Ngọc Đào - Xóm Thánh Công, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng.	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	3,500	341.33	9.75	341.33	9.75						1,050	30.00			
15	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Làng Lý, Nội Thôn - Xóm Bàn Kheng, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	250		-		-						125	50.00			
16	Điện sinh hoạt xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	925		-		-						463	50.00			
17	Điện Sinh hoạt Tán Hẩu, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	1,500	138.4	9.22	138.35	9.22						750	50.00			
18	Trường Tiểu học Nà Giàng, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,000	981.99	49.10	981.99	49.10						600	30.00			
19	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Rẻ Rào, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,500	153.41	6.14	153.41	6.14						750	30.00			
20	Trường THCS Nà Giàng, xã Ngọc Đào, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,000		-		-						600	30.00			
21	Trường TH&THCS Cấn Yên, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,800		-		-						840	30.00			
22	Trường Tiểu học Đào Ngan, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	1,200.0	33.35	2.78	33.35	2.78						600	50.00			
23	Trường TH&THCS Thị Xuân, xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,500	271.7	10.87	271.7	10.87						1,250	50.00			
24	Trạm Y tế xã Thượng Thôn, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,000		-		-						600	30.00			
25	Nhà Văn hóa xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	1,500		-		-						450	30.00			
26	Đập Thủy lợi Khuổi Rẻ, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	2,000	115.09	5.75	115.09	5.75						600	30.00			
27	Đập mương Khuổi Diều- Nà Sai, xã Lương Can, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA	CTMTQG giảm nghèo BV	KCM	1,000	85.81	8.58	85.81	8.58						500	50.00			
*	Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù			KCM	6,000		-		-						1,800	30.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTDBDTIS, vốn NSTW khác)		Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CHTT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
											Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
1	Bê nước sinh hoạt các xóm Tênh Cà Lửa, xã Quý Quăn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quăn		giám	KCM	1,000		-		-						300	30.00			
2	Nước sinh hoạt các xóm Hồng Việt, xã Trường Hà, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà		giám	KCM	1,000		-		-						300	30.00			
3	Mương Thủy lợi Xóm Nà Tọ, Xóm Cốc Vương, Xã Sóc Hà	UBND Sóc Hà		giám	KCM	1,000		-		-						300	30.00			
4	Đường giao thông nội đồng Thiêng Tỏi xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	UBND Sóc Hà		giám	KCM	500		-		-						150	30.00			
5	Đường GTNT xóm Bán Láp, xã Quý Quăn, huyện Hà Quảng	UBND Quý Quăn		giám	KCM	500		-		-						150	30.00			
6	Đường giao thông nội đồng xóm Bán Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng	UBND Ngọc Đào		giám	KCM	500		-		-						150	30.00			
7	Đường GTNT Lũng Dầy, xóm Phía Viêng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng	UBND Đa Thông		giám	KCM	500		-		-						150	30.00			
8	Đường GTNT Lũng Xóng - Lũng Lóng xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	UBND Trường Hà		giám	KCM	1,000		-		-						300	30.00			
b	Dự án chuẩn bị đầu tư (khởi công mới năm 2023)						4,000	-		-						2,000	50.00			
*	Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc thù						2,400	-		-						1,200	50.00			
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Mai Nua, Xuân Hòa - xóm Kê Hiệt, xã Ngọc Đào	BQLDA		giám	CBĐT	350		-		-						175	50.00			
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Tổ 6, Thị trấn Thông Nông - Xóm Nậm Ngựa, Ngọc Động, huyện Hà Quảng	BQLDA		giám	CBĐT											-				không thực hiện
3	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Nà Chàng thị trấn Xuân Hòa - Xóm Lũng Lầu, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT	350		-		-						175	50.00			
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Bán Láp, Quý Quăn - Nà Cháo, Lũng Mật, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	BQLDA		giám	CBĐT	350		-		-						175	50.00			
5	Nâng cấp Đường giao thông liên xã: Lũng Gà, Đoạn Thượng Thôn - Kéo Co Lý, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT											-				không thực hiện
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Bó, Trường Hà- Xóm Bó Shop, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng	BQLDA		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
7	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao bằng	BQLDA		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
8	Nhà Văn hóa xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
9	Sân Vận động xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT	350		-		-						175	50.00			
10	Sân Vận động xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng	BQLDA		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
11	Trường THCS Đào Ngan, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
12	Nâng cấp, xây mới bờ mương Tổ Xuân Vinh - Trạm bơm Huyện đội, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	BQLDA		giám	CBĐT											-				không thực hiện
*	Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù						1,600	-		-						800	50.00			
1	Mương Thủy lợi Xóm Hóa Chung, xã Ngọc Động, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
2	Nâng cấp nước sinh hoạt xóm Bán Gái xã Cản Yên, huyện Hà Quảng	UBND Cản Yên		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
3	Mương Thủy lợi Nà Tiểu, Xã Lương Can	UBND Lương Can		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
4	Mương Nà Sào - Bó Rằng xã Cản Yên, huyện Hà Quảng	UBND Cản Yên		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			
5	Đường GTNT xóm Biên Cương xã cản Yên, huyện Hà Quảng	UBND Cản Yên		giám	CBĐT	200		-		-						100	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTDBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
6	Đường GTNT Chí Nội, Xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng	UBND Lương Can	CTMTQG nghèo BV	giảm CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
7	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	UBND Sóc Hà	CTMTQG nghèo BV	giảm CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
8	Đường GTNT Pài Bá, xóm Cột Nưa, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng	UBND tổng Cột	CTMTQG nghèo BV	giảm CBĐT	200	-	-	-	-						100	50.00			
C.3.	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		9,520		22,084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,042	50.00			
II.	Đầu tư cấp xã				22,084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,042	50.00			
I	xã Ngọc Đào				989		-	-	-	-	-	-	-	-	495	50.00			
1.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
1.2	Đường giao thông nông thôn xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	450	-	-	-	-						225	50.00			
1.3	Đường giao thông NT Nà Diễn xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	270	-	-	-	-						135	50.00			
1.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Nam, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Đào	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	250	-	-	-	-						125	50.00			
2	Xã Lương Can				759	-	-	-	-						380	50.00			
2.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
2.2	Mương Thủy lợi Pác Mú xóm Gặm Dấu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	490	-	-	-	-						245	50.00			
2.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Pàng xóm Cốc Pàng xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Can	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	250	-	-	-	-						125	50.00			
3	xã Sóc Hà				759	-	-	-	-						380	50.00			
3.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Sóc Hà	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
3.2	Đổ bê tông đường nội đồng Cốc Vương-mỏ nước Bó mỏ-Lũng vải, xóm Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Sóc Hà	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	460	-	-	-	-						230	50.00			
3.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Vương, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Sóc Hà	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280	-	-	-	-						140	50.00			
4	Trường Hà				692	-	-	-	-						346	50.00			
4.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
4.2	Xây kế dá 2 bên, nạo vét đáy kênh tuyến Bó Dăng-Cốc Khon, xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Trường Hà	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	673	-	-	-	-						337	50.00			
5	Quý Quân				1,259	-	-	-	-						630	50.00			
5.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quân	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
5.2	Đường giao thông NT Keng tao xóm Lũng Mới xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quân	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	660	-	-	-	-						330	50.00			
5.3	Xây mới Nhà văn hóa Lũng Mới xóm Lũng Mới xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quân	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	290	-	-	-	-						145	50.00			
5.4	xây mới Nhà văn hóa Tềnh Cà Lưai xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Quý Quân	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	290	-	-	-	-						145	50.00			
6	Đa Thông				1,259	-	-	-	-						630	50.00			
6.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19	-	-	-	-						10	50.00			
6.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Phia Viêng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280	-	-	-	-						140	50.00			
6.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Lừa xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280	-	-	-	-						140	50.00			
6.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Mả Pàn, xã Đa thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280	-	-	-	-						140	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiền kiểm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBDTIS, vốn NSTW khác)	Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBĐT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
6.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngọc Sỹ, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
6.6.	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Nà Thồm, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Đa Thông	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	120		-	CTMTQG	-						60	50.00			
7	Cần Yên				1.259		-		-						630	50.00			
7.1.	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Yên	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
7.2.	Xây mới nhà văn hóa xóm bản Ngâm, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Yên	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
7.3.	Xây mới nhà văn hóa xóm Biên Cương xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Yên	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
7.4.	Làm đường GTNT Tự Do-Xam Kha xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Yên	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	680		-	CTMTQG	-						340	50.00			
8	Mã Ba				1.259		-		-						630	50.00			
8.1.	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Mã Ba	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
8.2.	Nâng cấp đường GTNT Keng Cà - Lũng Pinh	UBND Mã Ba	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	1,240		-	CTMTQG	-						620	50.00			
9	Hồng Sỹ				1.259		-		-						630	50.00			
9.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Hồng Sỹ	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
9.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng ngán, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Hồng Sỹ	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
9.3	bê tông đường GTNT Pác Táng-Tả Sùng, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh cao Bằng	UBND Hồng Sỹ	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	960		-	CTMTQG	-						480	50.00			
10	Lũng Nặm				1.259		-		-						630	50.00			
10.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
10.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Nặm Sắn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
10.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Nặm Nhũng, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
10.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Cây Tắc, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
10.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Tú, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	280		-	CTMTQG	-						140	50.00			
10.6	nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa xóm Tổng Pò xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lũng Nặm	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	120		-	CTMTQG	-						60	50.00			
11	Cải Viên				1.259		-		-						630	50.00			
11.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cải Viên	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
11.2	Đổ bê tông đường GTBNT Nhi đù-Pác Cỏ-Mốc 699-Cỏ phầy xã cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cải Viên	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	1,240		-	CTMTQG	-						620	50.00			
12	Thượng Thôn				1.259		-		-						630	50.00			
11.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thượng Thôn	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
12.2	Xây mới Nhà văn hóa xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thượng Thôn	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	1,240		-	CTMTQG	-						620	50.00			
13	Tổng Cọt				1.259		-		-						630	50.00			
13.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND tổng Cọt	CTMTQG dựng NTM	xây CBĐT	19		-	CTMTQG	-						10	50.00			
13.3	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Cọt Phở, xã tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND tổng Cọt	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	200		-	CTMTQG	-						100	50.00			
13.4	Nâng cấp bê tông đường GTNT Lũng Ai-Thiêng ngoại, xã tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND tổng Cọt	CTMTQG dựng NTM	xây KCM	1,040		-	CTMTQG	-						520	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn (NSDP ghi tắt là tỉnh bố trí, huyện bố trí, sử dụng đất, xổ số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cán đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTDBDTIS, vốn NSTW khác)		Kiểu dự án (ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBĐT)	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
											Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
14	Nội Thôn					1,259		-		-						630	50.00			
14.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Nội Thôn	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
14.2	Đổ bê tông đường GTNT Lũng Pùng- Lũng Chường, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Nội Thôn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	1,240		-		-						620	50.00			
15	Cần Nông					1,259		-		-						630	50.00			
15.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Nông	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
15.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Ca, xã cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Nông	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
15.3	Bê tông đường GTNT Cốc Nụm-UBND xã, xóm Tà cáp xã cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Cần Nông	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	960		-		-						480	50.00			
16	Thanh Long					1,259		-		-						630	50.00			
16.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
16.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Thánh Chung xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
16.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Gắng Thượng xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
16.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Lạn xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
14.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Bình Tâm xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
14.6	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa xóm Thượng Hà, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Bao Bằng	UBND Thanh Long	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	120		-		-						60	50.00			
17	Yên Sơn					1,259		-		-						630	50.00			
17.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
17.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Bình Minh xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	245		-		-						123	50.00			
17.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Trà, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	245		-		-						123	50.00			
17.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Lũng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	250		-		-						125	50.00			
17.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngâm Vàng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	250		-		-						125	50.00			
17.6	Xây mới nhà văn hóa xóm Vải Thai xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Yên Sơn	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	250		-		-						125	50.00			
18	Ngọc Động					1,259		-		-						630	50.00			
18.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
18.2	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Ngọc Chung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			
18.3	Xây mới nhà văn hóa xóm VH xóm Cốc Phát xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	300		-		-						150	50.00			
18.4	Bê tông đường giao thông nông thônCốc Phát xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Ngọc Động	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	660		-		-						330	50.00			
19	Lương Thông					1,259		-		-						630	50.00			
19.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG dựng NTM	xây	CBĐT	19		-		-						10	50.00			
19.2	nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa xóm Quốc Thái, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	120		-		-						60	50.00			
19.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Trà Phìn, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG dựng NTM	xây	KCM	280		-		-						140	50.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Chủ đầu tư (ghi cụ thể CĐT được giao thực hiện DA)	Nguồn vốn <i>(NSDP ghi tắt là tính bổ trí, huyện bổ trí, sử dụng đất, xố số, tăng thu, thu từ sắp xếp nhà đất, tiết kiệm chi, vốn NSDP khác; NSTW ghi tắt là cân đối NSTW, ODA, CTMTQG XDNTM, CTMTQG GNBV, CTMTQG PTĐBĐTIS, vốn NSTW khác)</i>	Kiểu dự án <i>(ghi tắt là HTBG; CTHT 2022; CTHT sau 2022; KCM; CBDT)</i>	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 30/11/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
										Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó <i>(ghi tắt là Có/Không)</i>	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó <i>(ghi tắt là Có/Không)</i>	Ghi chú khác
19.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngọc Sỹ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG xây dựng NTM	KCM	280		-		-						140	50.00			
19.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Tỳ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG xây dựng NTM	KCM	280		-		-						140	50.00			
19.6	Xây mới nhà văn hóa xóm Hồng Thái, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND Lương Thông	CTMTQG xây dựng NTM	KCM	280		-		-						140	50.00			

Lưu ý: Thông tin về dự án cần làm rõ các nội dung sau:

(*) CTMTQG: Hiện tại chi cần báo cáo số liệu giải ngân theo 3 chương trình, tuy nhiên trong thuyết minh các chủ đầu tư báo cáo cụ thể vướng mắc, khó khăn (nếu có), trong trường hợp cần thiết, được yêu cầu thì đề nghị báo cáo chi tiết đến từng dự án.

(1) Dự án đang ở giai đoạn nào:

- Hoàn thành: Nghiệm thu; Bàn giao sử dụng; Quyết toán hoàn thành dự án...
- Chuyển tiếp: Điều chỉnh dự án, Nghiệm thu; Thanh toán khối lượng...
- Khởi công mới: Giải phóng mặt bằng; Phê duyệt chủ trương đầu tư; Phê duyệt dự án; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Bàn giao mặt bằng thi công...
- Chuẩn bị đầu tư: Trình thẩm định dự án; Trình phê duyệt dự án; Phê duyệt dự án...

(2) Vướng mắc, khó khăn:

- *Vướng mắc về thể chế, quy định của pháp luật:* (1) Vướng mắc về quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn; (2) Vướng mắc về quy định tại các Luật khác liên quan đến hoạt động đầu tư công (đề nghị nêu rõ).
 - *Vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện:* (1) Khó khăn trong quy trình triển khai dự án (đề xuất đầu tư, chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt đầu thầu, thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán...); (2) Công tác phối hợp với các bộ, ngành quản lý lĩnh vực; (3) Kiến nghị đã gửi cơ quan trung ương, địa phương nhưng vẫn chưa được xử lý đúng hạn (nếu vẫn bán giữ); (4) Giải phóng mặt bằng; (5) Vướng mắc khác (giao vốn, năng lực nhà thầu...)
- =>Cách ghi: Vướng mắc thể thể (1)/(2)...: diễn giải cụ thể vướng mắc là gì; Vướng mắc triển khai (1)/(2)/(3)...: diễn giải cụ thể vướng mắc là gì.

(3) Đơn vị phối hợp thực hiện: Cơ quan thẩm định, phê duyệt; nhà thầu thi công, tư vấn;...

(4) Đề xuất kiến nghị: Cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện...

(5) Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn: Làm rõ cụ thể thời gian (bao nhiêu ngày)...

(6) Đánh giá khả năng giải ngân đến hết năm 2022: Giải ngân hết (không bỏ sung vốn; điều chuyển bổ sung thêm vốn); Giải ngân không hết (điều chuyển giảm vốn hết; điều chuyển giảm một phần vốn).